

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2024/QĐST-KDTM

Uông Bí, ngày 03 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 07/2023/TLST-KDTM ngày 09 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ; địa chỉ: 194 T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Đức T** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Ngọc B** - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh (theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 963/QĐ-BIDV ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Ngân hàng TMCP Đ).

- Người được ông Nguyễn Ngọc Bảo ủy quyền lại: Bà **Nguyễn Thị Tuyết** - Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh; địa chỉ: số 430, đường Q, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh (theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 0434/QĐ-BIDV.TNQN ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh

Tây Nam Quảng Ninh).

* **Bị đơn:** Anh **Phạm Văn L**; sinh năm 1983; nơi đăng ký thường trú: Bản P, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nơi tạm trú: tổ 3, khu 8, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông **Vũ Văn Đ**; sinh năm 1970; địa chỉ: tổ 20, khu B, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

- Bà **Đỗ Thị Thu B**; sinh năm 1973; địa chỉ: tổ 20, khu B, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

- Chị **Vũ Thị T**, sinh năm 1995; địa chỉ: tổ 20, khu B, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Anh Phạm Văn L và chị Vũ Thị T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/15812851/HĐTD ngày 27/7/2021, Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.02/2021/15812851/HĐTD ngày 30/12/2021 tính đến ngày **26/12/2023 là 572.539.189đ (năm trăm bảy mươi hai triệu năm trăm ba mươi chín nghìn một trăm tám mươi chín đồng)**. Trong đó: **nợ gốc: 465.000.000đ (bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng); nợ lãi trong hạn: 76.441.644đ (bảy mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng); nợ lãi quá hạn: 31.097.545đ (ba mươi một triệu không trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng)**.

Kể từ ngày tiếp theo (ngày 27/12/2023), cho đến khi thi hành xong các khoản nợ trên, anh Phạm Văn L và chị Vũ Thị T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2021/15812851/HĐTD ngày 27/7/2021, Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.02/2021/15812851/HĐTD ngày 30/12/2021 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng số 01/2021/15812851/HĐTD ngày 27/7/2021, Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.02/2021/15812851/HĐTD ngày 30/12/2021, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà anh Phạm Văn L và chị Vũ Thị T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Đ.

Trường hợp anh Phạm Văn L và chị Vũ Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp của Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/10678141/HĐBĐ ngày 18/01/2018 để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD574152, số vào sổ CH 00034 do UBND thị xã (nay là thành phố) Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 14/3/2011 mang tên ông Vũ Văn Đ và bà Đỗ Thị Thu B. Hợp đồng thế chấp bất động sản đã được Văn phòng công chứng

Lương Thế Tĩnh, công chứng ngày 18/01/2018 và đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Uông Bí ngày 19/01/2018 .

Trong trường hợp số tiền xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ thì anh Phạm Văn L và chị Vũ Thị T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền còn nợ.

2.2. Về án phí: Anh Phạm Văn L tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 13.450.800đ (mười ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn tám trăm đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp 13.718.000đ (mười ba triệu bảy trăm mười tám nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002551 ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh Phạm Văn L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Anh Phạm Văn L phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Phạm Văn L không trả số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND TP. Uông Bí;
- Chi cục THADS TP. Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HSVA; VP.

THẨM PHÁN

Tô Thị Thịnh